

Số: 14/NQ-HĐND

Sơn Hà, ngày 13 tháng 5 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Giao kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025
(Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và ngân sách huyện)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN SƠN HÀ
KHOÁ XII, KỲ HỌP THỨ 21**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 12/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh; số 17/NQ-HĐND ngày 05/3/2024 về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 từ nguồn vốn Trung ương và vốn ngân sách tỉnh đối ứng;

Căn cứ Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 08/3/2024 của UBND tỉnh về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 từ nguồn vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng ngân sách tỉnh;

Xét Tờ trình số 37/TTr-UBND ngày 25/4/2024 của UBND huyện Sơn Hà về việc giao kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và ngân sách huyện); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và ngân sách huyện), với tổng số tiền 49.303 triệu đồng. Trong đó:

- Vốn Ngân sách Trung ương: 42.862 triệu đồng;
- Vốn Ngân sách tỉnh: 4.283 triệu đồng;
- Vốn đối ứng Ngân sách huyện: 2.158 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa XII, kỳ họp thứ 21 thông qua ngày 13/5/2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Ủy ban nhân dân huyện;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các phòng, ban, đơn vị;
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Công TTĐT huyện;
- Lưu VT, TH.

CHỦ TỊCH



Đinh Xuân Dũng

PHỤ LỤC

PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 13/5/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Sơn Hà)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Dự án/đơn vị	Phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2024																		
		Tổng vốn	Ngân sách Trung ương	Chi tiết theo từng lĩnh vực					Ngân sách tỉnh	Chi tiết theo từng lĩnh vực					Ngân sách huyện	Chi tiết theo từng lĩnh vực				
				Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội		Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội		Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
A	B	(1)=(2)+(8)+(14)	(2)=(3)+(4)+(5)+(6)+(7)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(9)+(10)+(11)+(12)+(13)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)=(15)+(16)+(17)+(18)+(19)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
TỔNG CỘNG		49.303	42.862	3.422	2.590	1.840	31.375	3.635	4.283	342	258	184	3.136	363	2.158	171	130	92	1.574	191
A	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	3.857	3.354	-	-	-	3.354	-	335	-	-	-	335	-	168	-	-	-	168	-
1	Xã Sơn Hạ	88	76				76		8				8		4				4	
2	Xã Sơn Thành	14	12				12		1				1		1				1	
3	Xã Sơn Nham	198	172				172		17				17		9				9	
4	Xã Sơn Cao	184	160				160		16				16		8				8	
5	Xã Sơn Linh	274	238				238		24				24		12				12	
6	Xã Sơn Giang	405	353				353		35				35		17				17	
7	Xã Sơn Hải	73	64				64		6				6		3				3	
8	Xã Sơn Thủy	202	175				175		18				18		9				9	
9	Xã Sơn Kỳ	349	304				304		30				30		15				15	
10	Xã Sơn Ba	193	168				168		17				17		8				8	
11	Thị trấn Di Lăng	41	35				35		4				4		2				2	
12	Xã Sơn Thượng	488	425				425		42				42		21				21	
13	Xã Sơn Bao	680	591				591		59				59		30				30	
14	Xã Sơn Trung	668	581				581		58				58		29				29	
B	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	196	170	-	-	-	170	-	17	-	-	-	17	-	9	-	-	-	9	-
1	Xã Sơn Nham	98	85				85		8,5				8,5		4,5				4,5	
2	Xã Sơn Giang	98	85				85		8,5				8,5		4,5				4,5	
C	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	27.283	23.724	-	-	-	23.724	-	2.372	-	-	-	2.372	-	1.187	-	-	-	1.187	-
I	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	10.477	9.110	-	-	-	9.110	-	911	-	-	-	911	-	456	-	-	-	456	-
1	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện	5.274	4.586				4.586		459				459		229				229	

TT	Dự án/đơn vị	Phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2024																	
		Trong đó																	
		Chi tiết theo từng lĩnh vực						Ngân sách tỉnh	Chi tiết theo từng lĩnh vực					Ngân sách huyện	Chi tiết theo từng lĩnh vực				
		Tổng vốn	Ngân sách Trung ương	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội		Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
2	Xã Sơn Giang	384	334				334		33				33	17				17	
3	Xã Sơn Bao	564	490				490		49				49	25				25	
4	Xã Sơn Thượng	384	334				334		33				33	17				17	
5	Xã Sơn Trung	384	334				334		33				33	17				17	
6	Xã Sơn Hải	387	336				336		34				34	17				17	
7	Xã Sơn Thủy	387	336				336		34				34	17				17	
8	Xã Sơn Kỳ	670	583				583		58				58	29				29	
9	Xã Sơn Ba	431	375				375		37				37	19				19	
10	Xã Sơn Nham	678	590				590		59				59	29				29	
11	Xã Sơn Linh	520	452				452		45				45	23				23	
12	Xã Sơn Cao	398	346				346		35				35	17				17	
13	Thị trấn Di Lãng	10	9				9		1				1	-					
14	Xã Sơn Thành	6	5				5		1				1	-					
II	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư	16.806	14.614				14.614	-	1.461	-	-	-	1.461	731				731	
	* Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư	16.806	14.614	-	-	-	14.614	-	1.461	-	-	-	1.461	-	731	-	-	-	731
1	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện	2.300	2.000				2.000		200				200	100				100	
2	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện	2.300	2.000				2.000		200				200	100				100	
3	Xã Sơn Hải	1.094	951				951		95				95	48				48	
4	Xã Sơn Thủy	1.070	931				931		93				93	46				46	
5	Xã Sơn Kỳ	1.082	941				941		94				94	47				47	
6	Xã Sơn Ba	1.175	1.022				1.022		102				102	51				51	
7	Xã Sơn Trung	1.069	930				930		93				93	46				46	
8	Xã Sơn Giang	1.105	961				961		96				96	48				48	
9	Xã Sơn Bao	1.082	941				941		94				94	47				47	
10	Xã Sơn Thượng	1.065	926				926		93				93	46				46	
11	TT Di Lãng	173	149				149		15				15	9				9	
12	Xã Sơn Nham	1.081	940				940		94				94	47				47	
13	Xã Sơn Linh	1.086	945				945		94				94	47				47	
14	Xã Sơn Cao	1.124	977				977		98				98	49				49	



TT	Dự án/đơn vị	Phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2024																		
		Trong đó																		
		Tổng vốn	Ngân sách Trung ương	Chi tiết theo từng lĩnh vực					Ngân sách tỉnh	Chi tiết theo từng lĩnh vực					Ngân sách huyện	Chi tiết theo từng lĩnh vực				
				Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội		Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội		Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
D	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	4.274	3.717	-	-	-	3.717	-	371	-	-	-	371	-	186	-	-	-	186	-
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN	4.274	3.717	-	-	-	3.717	-	371	-	-	-	371	-	186	-	-	-	186	-
1	Xã Sơn Nham	379	330				330		33				33		16				16	
2	Xã Sơn Cao	389	338				338		34				34		17				17	
3	Xã Sơn Linh	381	331				331		33				33		17				17	
4	Xã Sơn Giang	384	334				334		33				33		17				17	
5	Xã Sơn Hải	382	332				332		33				33		17				17	
6	Xã Sơn Thủy	377	328				328		33				33		16				16	
7	Xã Sơn Kỳ	379	330				330		33				33		16				16	
8	Xã Sơn Ba	401	349				349		35				35		17				17	
9	Thị trấn Di Lăng	71	61				61		6				6		4				4	
10	Xã Sơn Thượng	374	326				326		32				32		16				16	
11	Xã Sơn Bao	380	330				330		33				33		17				17	
12	Xã Sơn Trung	377	328				328		33				33		16				16	
E	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	3.935	3.422	3.422	-	-	-	-	342	342	-	-	-	-	171	171				
I	Tiểu Dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ	-	-	-					-	-					-	-				
II	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực	763	664	664					66	66					33	33				
	* Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	-	-	-					-	-					-	-				
	* Nội dung 2: Đào tạo đại học, sau đại học	763	664	664					66	66					33	33				
1	Phòng Nội vụ	763	664	664					66	66					33	33				
III	Tiểu dự án 3: phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm	265	230	230					23	23					12	12				
1	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	265	230	230					23	23					12	12				
IV	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	2.907	2.528	2.528					253	253					126	126				
1	Phòng Dân tộc	2.907	2.528	2.528					253	253					126	126				

TT	Dự án/đơn vị	Phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2024																		
		Trong đó																		
		Tổng vốn	Chi tiết theo từng lĩnh vực					Ngân sách tỉnh	Chi tiết theo từng lĩnh vực					Ngân sách huyện	Chi tiết theo từng lĩnh vực					
Ngân sách Trung ương	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề		Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo và dạy nghề		Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề		Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội		
F	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	987	859	-	859	-	-	-	85	-	85	-	-	-	43		43			
1	Phòng Văn hóa và Thông tin	987	859		859				85		85				43		43			
G	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	2.116	1.840	-	-	1.840	-	-	184	-	-	184	-	-	92			92		
1	Phòng Y tế	2.116	1.840			1.840			184			184			92			92		
H	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	3.493	3.035	-	-	-	-	3.035	303	-	-	-	-	303	155	-	-	-	-	155
1	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện	349	304					304	30					30	15					15
2	Thị trấn Di Lăng	54	46					46	5					5	3					3
3	Xã Sơn Nham	266	231					231	23					23	12					12
4	Xã Sơn Bao	266	231					231	23					23	12					12
5	Xã Sơn Linh	320	278					278	28					28	14					14
6	Xã Sơn Giang	267	232					232	23					23	12					12
7	Xã Sơn Trung	320	278					278	28					28	14					14
8	Xã Sơn Thượng	214	185					185	19					19	10					10
9	Xã Sơn Cao	320	278					278	28					28	14					14
10	Xã Sơn Hải	267	232					232	23					23	12					12
11	Xã Sơn Thủy	211	184					184	18					18	9					9
12	Xã Sơn Kỳ	267	232					232	23					23	12					12
13	Xã Sơn Ba	372	324					324	32					32	16					16
K	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	696	600	-	-	-	-	600	60	-	-	-	-	60	36					36
I	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN	696	600	-	-	-	-	600	60	-	-	-	-	60	36	-	-	-	-	36
1	Phòng Dân tộc	242	210					210	21					21	11					11
2	Xã Sơn Hạ	23	20					20	2					2	1					1
3	Xã Sơn Thành	23	20					20	2					2	1					1
4	Xã Sơn Nham	35	30					30	3					3	2					2
5	Xã Sơn Cao	35	30					30	3					3	2					2



TT	Dự án/đơn vị	Phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2024																			
		Tổng vốn	Trong đó																		
			Ngân sách Trung ương	Chi tiết theo từng lĩnh vực					Ngân sách tỉnh	Chi tiết theo từng lĩnh vực					Ngân sách huyện	Chi tiết theo từng lĩnh vực					
				Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội		Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội		Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	
6	Xã Sơn Linh	35	30					30	3						3	2					2
7	Xã Sơn Giang	35	30					30	3						3	2					2
8	Xã Sơn Hải	35	30					30	3						3	2					2
9	Xã Sơn Thủy	35	30					30	3						3	2					2
10	Xã Sơn Kỳ	35	30					30	3						3	2					2
11	Xã Sơn Ba	35	30					30	3						3	2					2
12	Thị trấn Di Lăng	23	20					20	2						2	1					1
13	Xã Sơn Thượng	35	30					30	3						3	2					2
14	Xã Sơn Bao	35	30					30	3						3	2					2
15	Xã Sơn Trung	35	30					30	3						3	2					2
L	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	2.466	2.141	-	1.731	-	410	-	214	-	173	-	41	-	111	-	87	-	24	-	
I	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS&MN	1.488	1.294	-	1.294	-	-	-	129	-	129	-	-	-	65		65				
1	Huyện Sơn Hà	1.488	1.294		1.294				129		129				65			65			
1	Phòng Dân tộc	1.415	1.230		1.230				123		123				62		62				
2	Phòng Tư pháp	73	64		64				6		6				3		3				
II	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	503	437	-	437	-	-	-	44	-	44	-	-	-	22		22				
1	Phòng Văn hóa và Thông tin	503	437		437				44		44				22		22				
III	Tiểu Dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	475	410	-	-	-	410	-	41	-	-	-	41	-	24	-	-	-	24	-	
1	Phòng Dân tộc	46	40				40		4				4		2				2		
2	Phòng NN&PTNT	15	12				12		2				2		1				1		
3	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	14	12				12		1				1		1				1		
4	Phòng Văn hóa và Thông tin	14	12				12		1				1		1				1		
5	Phòng Y tế	14	12				12		1				1		1				1		
6	Phòng Tài chính - Kế hoạch	14	12				12		1				1		1				1		
7	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện	14	12				12		1				1		1				1		



TT	Dự án/đơn vị	Phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2024																		
		Tổng vốn	Trong đó																	
			Ngân sách Trung ương	Chi tiết theo từng lĩnh vực					Ngân sách tỉnh	Chi tiết theo từng lĩnh vực					Ngân sách huyện	Chi tiết theo từng lĩnh vực				
				Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội		Sự nghiệp giáo dục và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội		Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
8	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện	19	16				16		2				2		1				1	
9	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	14	12				12		1				1		1				1	
10	Xã Sơn Hạ	7	5				5		1				1		1				1	
11	Xã Sơn Thành	7	5				5		1				1		1				1	
12	Xã Sơn Nham	26	23				23		2				2		1				1	
13	Xã Sơn Cao	26	23				23		2				2		1				1	
14	Xã Sơn Linh	26	23				23		2				2		1				1	
15	Xã Sơn Giang	26	23				23		2				2		1				1	
16	Xã Sơn Hải	26	23				23		2				2		1				1	
17	Xã Sơn Thủy	26	23				23		2				2		1				1	
18	Xã Sơn Kỳ	28	24				24		3				3		1				1	
19	Xã Sơn Ba	28	24				24		3				3		1				1	
20	Thị trấn Di Lăng	7	5				5		1				1		1				1	
21	Xã Sơn Thượng	26	23				23		2				2		1				1	
22	Xã Sơn Bao	26	23				23		2				2		1				1	
23	Xã Sơn Trung	26	23				23		2				2		1				1	